|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH CAO BẰNG**  Số: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Cao Bằng, ngày tháng năm 2022* |

## (DỰ THẢO)

**KẾ HOẠCH**

**Đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

**giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

## A. Kết quả thực hiện 7 tháng và ước thực hiện cả năm 2022

## I. Công tác chỉ đạo, điều hành

## 1. Công tác thành lập Ban chỉ đạo

Tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021-2025[[1]](#footnote-1)

**2. Các văn bản chỉ đạo**

a) Tỉnh ủy ban hành 02 văn bản:

- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 09/6/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Cao Bằng về lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 92-KH/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư v tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 03 văn bản:

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản:

- Quyết định số 940/QĐ-UBND, ngày 27/7/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 941/QĐ-UBND, ngày 27/7/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Công văn số 1432/UBND-TH ngày 09/6/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công văn số 1436/UBND-TH ngày 09/6/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công văn số 1559/UBND-TH, ngày 20/6/2022 về việc rà soát bổ sung số liệu xây dựng kế hoạch các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 1905/UBND-TH ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ triển khai các CT MTQG giai đoạn 2021-2025.

**II. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình**

Thực hiện Công văn số 1386/LĐTBXH-VPQGGN ngày 29/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025; Công văn số 102/CV-VPQGGN ngày 06/5/2022 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Kết quả tính đến thời điểm tháng 5/2022 như sau: số hộ nghèo là 42.751 hộ, chiếm 33,23% *(tăng 171 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo tăng 0,14% so với năm 2021);* số hộ cận nghèo là 17.145 hộ, chiếm 13,33% *(tăng 35 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo tăng 0,03% so với năm 2021).* Nguyên nhân phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo do các hộ đều có hoàn cảnh khó khăn gặp rủi ro, biến cố: người lao động chính tạo thu nhập trong gia đình bị mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...bên cạnh đó, do tác động tiêu cực của đại dịch COVID -19 ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt…gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp tại địa bàn một số huyện trong tỉnh.

Ước thực hiện năm 2022: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4% đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 33,23% xuống còn 29,23%; đạt 100% kế hoạch đề ra.

**III. Kết quả thực hiện các chính sách, cơ chế giảm nghèo**

Tỉnh Cao Bằng đã triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ và kết quả đạt được như sau: Đã thực hiện cho trên 7.493 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên vay vốn; cấp trên 376.859 lượt thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng; trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 26.687 người, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội 215 người; trợ cấp mai táng phí cho 449 trường hợp, trợ cấp đột xuất cho 99 trường hợp; cấp phát gạo cứu đói dịp tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt cho 27.606 hộ, 114.535 khẩu, 1.718,025 tấn gạo; hướng dẫn các huyện, thành phố trao 33 thiếp mừng thọ cho các cụ tròn 100 tuổi; tổ chức 01 hội nghị công tác NCT tại tỉnh, với 50 đại biểu tham dự; tổ chức 04 hội nghị tuyên truyền công tác bảo trợ xã hội cho 181 đại biểu tham dự, khám sàng lọc cho 216 người khuyết tật vận động và được chỉ định phẫu thuật phục hồi chức năng và cấp dụng cụ chỉnh hình 49 người; tổ chức 29 hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách việc làm, thông tin thị trường lao động, tư vấn tuyển dụng lao động với 1.180 người tham dự; tổ chức 16 hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm với 617 người tham dự; tổ chức 15 hội nghị tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các xã với tổng số 635 lượt người tham gia, thực hiện hỗ trợ cho 855 người theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; miễn, giảm học phí cho 1.269 người theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển mới được 2.100 người đào tạo hệ sơ cấp đạt 33,8% so với kế hoạch năm 2022; thực hiện hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các khoản đóng góp khác theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho trên 80.000 học sinh; hỗ trợ 482 nhà cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách người có công; hỗ trợ tiền điện cho trên 45.899 hộ; thực hiện trợ giúp pháp lý được 394 vụ việc (kỳ trước chuyển sang 247 vụ việc, thụ lý trong kỳ 147 vụ việc), tư vấn pháp luật 11, tham gia tố tụng 177 vụ.

**IV. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022**

- Ngân sách trung ương: 658.966 triệu đồng (Vốn TW đã giao: 596.966 triệu đồng, vốn dự kiến giao 62.000 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 17.909 triệu đồng

- Huy động khác: 6.375 triệu đồng

**V. Đánh giá chung**

**1. Những mặt đạt được**

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ, Ban nhành chung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh đã tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định và các văn bản để triển khai thực hiện Chương trình.

Các Sở, ban, ngành của tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu cho UBND tỉnh để thống nhất triển khai lồng ghép chính sách, tích hợp nguồn lực giữa các Chương trình MTQG đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ trên cùng địa bàn.

Công tác tuyên truyền vận động được các cơ quan chức năng, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện; các chính sách hỗ trợ người nghèo được thực hiện kịp thời, đầy đủ như: hỗ trợ về cấp thẻ BHYT cho người nghèo và người dân tộc thiểu số, hỗ trợ tiền điện,…Công tác cứu đói giáp hạt được thực hiện kịp thời, có hiệu quả đã góp phần giúp người nghèo ổn định cuộc sống, an tâm để đẩy mạnh sản xuất tăng thu nhập, giảm nghèo.

Việc thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo đã góp phần tạo niềm tin của Nhân dân với Đảng, với chính quyền, góp phần ổn định xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm.

**2. Những khó khăn, tồn tại**

Các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình MTQGGNBV theo thẩm quyền của các Bộ, cơ quan Trung ương còn chậm, thiếu và chưa đồng bộ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện [[2]](#footnote-2), tỉnh không có đủ cơ sở để kịp thời tổ chức các nội dung, hoạt động của Chương trình.

Nguồn vốn sự nghiệp trung ương chưa được giao theo kế hoạch trung hạn nên tỉnh gặp khó khăn, lúng túng khi xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí thực hiện. Năm 2022, nguồn vốn sự nghiệp được bố trí thấp, vốn thực hiện tiểu dự án 2 (thuộc dự án 3) và Dự án 5 chưa được bố trí.

Năng lực cán bộ ở cấp cơ sở còn hạn chế, chưa đồng đều việc tổng hợp nhu cầu dự án từ cơ sở đôi khi còn hình thức vì vậy chất lượng chưa cao phải tổ chức họp quán triệt thực hiện nhiều lần gây mất nhiều thời gian.

**B. Kế hoạch năm 2023**

**I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2023**: Là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Cơ chế chính sách Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được tập trung triển khai thực hiện, cùng với việc lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình phát triển kinh tế -xã hội của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế -xã hội của ngành và của tỉnh; tuy nhiên tình hình dịch bệnh COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, những khó khăn thách thức còn lớn như: giá xăng dầu, nguyên liệu tăng cao, các vấn đề xã hội - môi trường; già hóa dân số, thất nghiệp, chênh lệch giàu - nghèo, thiên tai biến đổi khí hậu...có nhiều ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất của nhân dân.

**II. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Phấn đấu toàn tỉnh giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4,0% trở lên (riêng tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 5% trở lên), tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 4% trở lên.

b) 07 huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi.

c) Hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo để đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

d) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống, giúp người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội trước hết là về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin, việc làm...để cải thiện điều kiện sống, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

e) Các hộ dân được tiếp cận thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông; thực hiện hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước để giảm chiều thiếu hụt về tiếp cận thông tin.

g) Phát triển giáo dục nghề nghiệp về quy mô và chất lượng đào tạo cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững cho người nghèo.

h) Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

i) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

**III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình**

**1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

\* Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

- Thực hiện đầu tư tổng số 252 công trình, trong đó: 156 công trình chuyển tiếp, 78 công trình khởi công mới, 18 công trình chuẩn bị đầu tư.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng: các huyện nghèo thực hiện duy tu bão dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 525.774 triệu đồng (trong đó: Vốn đầu tư phát triển 447.607 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 78.167 triệu đồng).

**2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Nội dung: xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mô hình khác) để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật.

\* Kinh phí đề xuất: 57.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 50.000 triệu đồng.

- Vốn huy động, vận động (đóng góp của hộ tham gia dự án): 7.500 triệu đồng.

**3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

*a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

Thực hiện các Dự án phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 35.066 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

*b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 6.840 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

*a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu, phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý; Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề, truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp; Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; Đào tạo nghề cho người lao động.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 49.100 triệu đồng (ĐTPT: 19.500 triệu đồng, SN: 29.600 triệu đồng).

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động

Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 2.300 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

*c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

Thực hiện hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách trung ương 14.230 triệu đồng; (vốn ĐTPT: 4.790 triệu đồng, vốn SN 9.440 triệu đồng).

**5. Dự án 5:** Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Thực hiện Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m2 “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên cho cho khoảng 9.366 hộ nghèo và cận nghèo.

\* Đề xuất kinh phí:

- Nhu cầu năm 2022: 192.199 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 169.460 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Hiện nay chưa được cấp.

+ Ngân sách địa phương: 22.739 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Năm 2023: 150.859 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 132.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 18.359 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

*a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới; Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn; Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vậtchất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách Trung ương 20.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

*b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách Trung ương 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

**7. Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

*a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình*

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

\* Kinh phí đề xuất: Ngân sách Trung ương 8.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

*b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chương trình, cập nhật quản lý đối tượng.

\* Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương 5.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.033.868 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 471.897 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 561.971 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 985.270 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển 471.897 triệu đồng, vốn sự nghiệp 513.373 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 41.098 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 7.500 triệu đồng.

**V. Giải pháp chủ yếu**

1. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các Dự án, tiểu Dự án của Chương trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình mang tính đột phá của địa phương, nhằm giải quyết cơ bản những khó khăn tại các huyện nghèo; tập trung thực hiện tốt chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; nghiên cứu xây dựng các dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả.

2. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo hiện hành như chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách dạy nghề, hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, hỗ trợ tiền điện, chính sách trợ giúp pháp lý.

3. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, dự án của chương trình tại cơ sở.

4. Thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Cao Bằng chung tay vì người nghèo -Không để ai bị bỏ lại phía sau” trên địa bàn tỉnh với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

7. Tổ chức thực hiện đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giữa kỳ giai đoạn 2021-2025.

**V. Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyệnnghèo, hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm; truyền thông giảm nghèo; nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

- Chủ trì thực hiện các dự án: Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 - Dự án 6, Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì Tiểu dự án 1 - Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**3. Sở Y tế**

Chủ trì Tiểu dự án 2 - Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**4. Sở Xây dựng**

Chủ trì Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**5. Sở Thông tin và truyền thông**

Chủ trì Tiểu dự án 1- Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**7. Sở Tài chính:** Phối hợp cho ý kiến về phương án phân bổ vốn sự nghiệp của Chương trình; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

**8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan**

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do Sở, ban, ngành quản lý;

- Các Sở, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của Sở, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh:**Theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp tổ chức vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; phối hợp thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện các mô hình hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất...và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

**10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh (các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án), hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả.

-Thực hiện rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên các nguyên nhân của hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giải quyết các chiều thiếu hụt.

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình MTQGGNBV với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để giải quyết các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin…

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở và tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm phát hiện các sai sót uốn nắn kịp thời.

- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát. Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình.

**11. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh**

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, giúp đỡ huyện, xã nghèo tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao kỹ thuật đào tạo nghề và nhận lao động nghèo vào làm việc để tăng thu nhập cho hộ nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

Trên đây là kế hoạch Đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Cao Bằng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *-* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  - Bộ Tài chính;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Xây dựng;  - Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - VP UBND tỉnh: LĐVP ; CVTH, CVVX ;  - Lưu: VT, VX. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Lê Hải Hòa** |

1. Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025.

   Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 31/12/20221 của chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc CT MTQG Giảm nghèo bền vững.

   Hiện nay, mặc dù các bộ ngành trung ương đã ban hành Thông tư, quyết định hướng dẫn các dự án, hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách nhưng một số dự án chưa triển khai được ngay (Dự án 2: Để triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, tỉnh phải thực hiện trình tự xây dựng, trình HĐND quy định mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng do đó sẽ dẫn tới tình trạng chậm thời vụ và triển khai không hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp). [↑](#footnote-ref-2)